

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST

Ngày 05-8-2026

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Tùng.

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ tham gia phiên Tòa: Ông Trần Văn Hương – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 204/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2437/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Tuyết L, sinh năm 1998. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, đường T, khu vực K, phường P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lê Việt T, sinh năm 1998. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số H, đường C, khu vực M, phường P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 19/5/2026 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Tuyết L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Tuyết L và ông Lê Việt T kết hôn vào ngày 22/02/2022 tại U, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 9 năm 2023 ông T bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay, bà L đã tìm đủ mọi cách để tìm ông T nhưng không có kết quả nên bà L đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lê Việt T mất tích. Tại Quyết định

số 06/2026/QĐST-VDS ngày 24/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ đã tuyên bố ông Lê Việt T mất tích. Nay bà L cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Việt T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông T có 01 người con chung tên Lê Tuấn K, sinh ngày 17/9/2022. Sau khi ly hôn bà L có nguyện vọng nuôi con tên Lê Tuấn K cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Việt T, sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập nhưng ông Lê Việt T không tham gia phiên họp, không có ý kiến bằng văn bản, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phạm Tuyết L được ly hôn với ông Lê Việt T; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà L giao con chung tên Lê Tuấn K, sinh ngày 17/9/2022 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 uổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Tuyết L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện bà Phạm Tuyết L yêu cầu ly hôn với ông Lê Việt T, địa chỉ: Số H, đường C, khu vực M, phường P, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Tuyết L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Tuyết L và ông Lê Việt T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố Cần Thơ vào ngày 19/8/2025, trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân theo bà L trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặc dù Tòa án ra thông báo về phiên hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Lê Việt T. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã đến mức trầm trọng, ông bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Tuyết L cho bà được ly hôn với ông Lê Việt T.

Về con chung: Theo bà Phạm Tuyết L trình bày, trong quá trình chung sống bà L và ông Lê Việt T có 01 người con chung tên Lê Tuấn K, sinh ngày 17/9/2022, hiện đang sống chung với bà L.

Sau khi ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Tuấn K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Lê Việt T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lê Tuấn K hiện nay do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định. Do đó căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung tên Lê Tuấn K cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Tuyết L tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: bà Phạm Tuyết L phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238,

khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Tuyết L được ly hôn ông Lê Việt T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Tuấn K, sinh ngày 17/9/2022 cho bà Phạm Tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu K đang sống với bà L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Phạm Tuyết L không yêu cầu ông Lê Việt T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông Lê Việt T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Tuấn K mà không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Tuyết L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Tuyết L phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002635 ngày 05/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Tuyết L và ông Lê Việt T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND – Khu vực 5 – Cần Thơ;
- TAND TP Cần Thơ;
- P.THA DS Khu vực 5 – Cần Thơ;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thúy Uyên